

Số: 321/QĐ-KKT

Khánh Hòa, ngày 13 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án "Di dời và tái định cư khu vực phía Đông đường Trần Hưng Đạo, thị trấn Vạn Giã"

TRƯỞNG BAN

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ VÂN PHONG TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 19/2024/QĐ-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban quản lý Khu kinh tế Vân Phong tỉnh Khánh Hòa;

Căn cứ Quyết định số 3101/QĐ-UBND ngày 16 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ quản lý nhà nước về môi trường đối với dự án đầu tư trong Khu kinh tế Vân Phong và các khu công nghiệp thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Xét Văn bản số 1975/KKT-QLTNMT ngày 09 tháng 8 năm 2024 của Ban quản lý Khu kinh tế Vân Phong về thông báo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án "Di dời và Tái định cư khu vực phía Đông đường Trần Hưng Đạo, thị trấn Vạn Giã"; Văn bản số 3490/UBND-BQL ngày 30 tháng 8 năm 2024 của UBND huyện Vạn Ninh về đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án "Di dời và Tái định cư khu vực phía Đông đường Trần Hưng Đạo, thị trấn Vạn Giã" và báo cáo của Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường về kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án "Di dời và Tái định cư khu vực phía Đông đường Trần Hưng Đạo, thị trấn Vạn Giã";

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án "Di dời và Tái định cư khu vực phía Đông đường Trần Hưng Đạo, thị trấn Vạn Giã" (sau đây gọi là Dự án) của UBND huyện Vạn Ninh (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại thị trấn Vạn Giã và xã Vạn Thắng, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa, với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- UBND tỉnh Khánh Hòa;
- Đ/c Trưởng ban;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Vạn Ninh;
- UBND thị trấn Vạn Giã;
- UBND xã Vạn Thắng;
- Phòng QLQHXD, QLĐT (VBĐT);
- Lưu: VT, QLTNMT, TTHT, 09.



**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

Lê Hồng Phương



**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
"DI DỜI VÀ TÁI ĐỊNH CƯ KHU VỰC PHÍA ĐÔNG ĐƯỜNG
TRẦN HUNG ĐẠO, THỊ TRẤN VẠN GIÃ"**

*(Kèm theo Quyết định số 321 /QĐ-KKT ngày 13 tháng 9 năm 2024 của
Trưởng ban Ban quản lý Khu kinh tế Vân Phong)*

1. Thông tin về dự án:

1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: Di dời và tái định cư khu vực phía Đông đường Trần Hưng Đạo, thị trấn Vạn Giã.
- Địa điểm thực hiện dự án: thị trấn Vạn Giã và xã Vạn Thắng, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa.
- Chủ dự án đầu tư: UBND huyện Vạn Ninh.
- Địa chỉ liên hệ: 469 Hùng Vương, thị trấn Vạn Giã, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất:

- Dự án Di dời và tái định cư khu vực phía Đông đường Trần Hưng Đạo, thị trấn Vạn Giã gồm 3 vị trí như sau:
 - + Vị trí 1: thực hiện di dời tại khu phía Đông đường Trần Hưng Đạo, thuộc tổ dân phố số 2 và tổ dân phố số 4, thị trấn Vạn Giã, huyện Vạn Ninh, với diện tích là 17.000 m² (vị trí này thực hiện đo đạc để giải tỏa, di dời 138 trường hợp).
 - + Vị trí 2: xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư phía Tây Nam (sau đây gọi là Khu I) thuộc tổ dân phố 13, thị trấn Vạn Giã, huyện Vạn Ninh, với diện tích là 56.075,3m².
 - + Vị trí 3: xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư địa ông Cừ (sau đây gọi là Khu II), thuộc thôn Quảng Hội 2, xã Vạn Thắng, huyện Vạn Ninh, với diện tích là 8.517,9m².

- Tổng số lô tái định cư: Khu I là 161 lô và Khu II là 43 lô.

- Dân số: Khu I là 1.000 người và Khu II là 200 người.

1.3. Các hạng mục công trình của dự án đầu tư:

1.3.1. Các hạng mục công trình chính:

Khu I, Khu II bố trí các hạng mục công trình chính như sau: Hạng mục san nền, hệ thống đường giao thông, hệ thống thu gom, thoát nước mưa, hệ thống thu gom, thoát nước thải, hệ thống cấp điện, hệ thống cấp nước, hệ thống công viên cây xanh, hệ thống thông tin liên lạc.

1.3.2. Các hạng mục công trình phụ trợ:

1.3.2.1. Khu I, Khu II bố trí các hạng mục công trình phụ trợ như sau:

Mu

- *Hạng mục phụ trợ phục vụ cho hoạt động thi công:*

+ Lán trại, bãi tập kết nguyên liệu, bãi tập kết bùn đất hữu cơ, khu vực lưu trữ chất thải nguy hại, khu vực lưu trữ chất thải xây dựng và hồ lắng.

+ Hai (02) nhà vệ sinh di động; 06 thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt (*tại vị trí gần khu vực lán trại của công nhân, nhà vệ sinh di động, công ra vào công trường; mỗi vị trí 02 thùng*); 06 thùng chuyên dụng chứa chất thải nguy hại.

+ Một (01) kho lưu chứa chất thải nguy hại tạm thời, với diện tích khoảng 8-10 m² (*sẽ tháo dỡ khi hoàn thành việc thi công*) và 06 thùng chứa chất thải nguy hại với dung tích khoảng 200 lít để lưu trữ chất thải nguy hại, sau đó hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý đúng quy định.

- *Hạng mục công trình phục vụ giai đoạn hoạt động:*

+ Hệ thống xử lý nước thải.

1.3.2.2. Vị trí 1 bố trí các hạng mục công trình phụ trợ như sau:

+ Hai (02) nhà vệ sinh di động; 06 thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt (*tại vị trí gần khu vực lán trại của công nhân, nhà vệ sinh di động, công ra vào công trường; mỗi vị trí 02 thùng*); 06 thùng chuyên dụng chứa chất thải nguy hại.

1.4. Các hoạt động của Dự án:

1.4.1. Giai đoạn thi công:

- Thực hiện hoạt động di dời, giải phóng mặt bằng tại khu phía Đông đường Trần Hưng Đạo (vị trí 1).

- Đầu tư, xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật 02 Khu tái định cư (Khu I, Khu II).

1.4.2. Giai đoạn vận hành: hoạt động sinh hoạt của người dân tại 02 Khu tái định cư (Khu I, Khu II).

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường:

Dự án có yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 28 của Luật Bảo vệ môi trường (*Theo hồ sơ báo cáo đánh giá tác động môi trường, Dự án có đất trồng lúa 02 vụ với diện tích khoảng 22.417,8 m²*).

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường:

Stt	Các hạng mục công trình dự án đầu tư	Các hoạt động của dự án đầu tư	Các yếu tố có khả năng gây tác động đến môi trường
I	Giai đoạn thi công		
1	-	- Hoạt động di dời, thu hồi đất, bồi thường giải phóng mặt bằng; chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa nước.	Ảnh hưởng đến tâm lý, sinh hoạt và kinh tế của các trường hợp bị thu hồi đất.
2	Hạng mục phát quang, san nền	- Phát quang cây cối, thực vật.	- Bụi, khí thải, ồn rung từ phương tiện vận

lu

Stt	Các hạng mục công trình dự án đầu tư	Các hoạt động của dự án đầu tư	Các yếu tố có khả năng gây tác động đến môi trường		
		<ul style="list-style-type: none"> - Vận chuyển sinh khối phát quang. - Thoát nước ao đìa, bóc đất hữu cơ bề mặt, san nền khu vực dự án. - Vận chuyển đất đắp,... 	<ul style="list-style-type: none"> chuyên, từ hoạt động thi công. - Nước thải, đất hữu cơ, chất thải rắn, ồn, rung do hoạt động phát quang, san nền. - Nước thải, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của công nhân. 		
3	Xây dựng hệ thống đường giao thông	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng hoàn thiện các hạng mục hạ tầng kỹ thuật: hệ thống đường giao thông, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống điện, thông tin liên lạc,... - Sinh hoạt của công nhân tại công trường. - Vận hành các máy móc thiết bị thi công. - Vận chuyển nguyên vật liệu. - Tập kết nguyên vật liệu, máy móc thi công. 	<ul style="list-style-type: none"> - Bụi, khí thải từ hoạt động xây dựng; từ các phương tiện vận chuyển, máy móc, thiết bị thi công,... - Nước thải từ quá trình vệ sinh xe, thiết bị ra vào công trường. - Chất thải rắn, chất thải nguy hại, tiếng ồn, độ rung phát sinh trong quá trình xây dựng. - Nước thải, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của công nhân. - Tai nạn lao động, sự cố ùn tắc tai nạn giao thông, an ninh trật tự, cảnh quan khu vực, nguy cơ ngập úng, cháy nổ,.... 		
4	Xây dựng hệ thống thoát nước, xử lý nước				
5	Xây dựng hệ thống cấp nước				
6	Thi công hệ thống cấp điện				
7	Thi công công viên cây xanh				
8	Thi công hệ thống thông tin liên lạc				
II Giai đoạn hoạt động					
1	-			Hoạt động của người dân tại Khu tái định cư.	<ul style="list-style-type: none"> - Nước thải sinh hoạt. - Chất thải rắn sinh hoạt. - Khí thải từ hoạt động đun nấu, hệ thống điều hòa nhiệt độ trong quá trình sinh hoạt của người dân.
2	Các phương tiện giao thông	Hoạt động của các phương tiện giao thông ra vào dự án.	<ul style="list-style-type: none"> - Bụi, khí thải, tiếng ồn. 		
3	Trạm xử lý nước thải	-	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếng ồn. - Bùn thải. - Chất thải nguy hại. 		

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư:

3.1. Nước thải, khí thải:

3.1.1. Nước thải:

3.1.1.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân với khoảng 2,25 m³/ngày (Khu I) và 1,5 m³/ngày (Khu II); thành phần chủ yếu gồm TSS, TDS, BOD, sunfua, amoni, nitrat, photphat, dầu mỡ động thực vật, coliforms,...

- Nước thải xây dựng: nước thải phát sinh từ quá trình rửa xe khoảng 0,6 – 9,8 m³/ngày (Khu I) và 0,2 – 0,9 m³/ngày (Khu II); nước thải từ quá trình vệ sinh máy móc, trộn bê tông khoảng 0,4 m³/ngày; thành phần chủ yếu gồm TSS, dầu mỡ khoáng,..... Nước phát sinh trong quá trình dọn dẹp mặt bằng khoảng 13.797,6 m³ (Khu I) và 9.543 m³ (Khu II); thành phần chủ yếu gồm TSS, coliforms,.....

3.1.1.2. Giai đoạn hoạt động:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 216 m³/ngày.đêm (Khu I: 180 m³/ngày.đêm và Khu II: 36 m³/ngày.đêm); thành phần chủ yếu gồm TSS, TDS, BOD, sunfua, amoni, nitrat, photphat, dầu mỡ động thực vật, coliforms,...

3.1.2. Khí thải:

3.1.2.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động phát quang thực vật, phá dỡ công trình hiện có, san lấp mặt bằng, thi công các hạng mục công trình, hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, vận chuyển đất đắp, phế thải, hoạt động của máy móc, thiết bị thi công.

3.1.2.2. Giai đoạn hoạt động:

Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động các phương tiện giao thông tại Dự án; từ hoạt động đun nấu, hệ thống điều hòa nhiệt độ của người dân.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại:

3.2.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân, khối lượng khoảng 15 kg/ngày (Khu I) và 10 kg/ngày (Khu II); thành phần chủ yếu là túi nilon, vỏ chai, giấy vụn, thức ăn thừa,...

- Chất thải rắn xây dựng:

+ Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình khoảng 360,46 tấn; thành phần chủ yếu đá, sắt, thép thừa, bao bì phế thải,....

+ Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động phát quang thực vật khoảng 17,16 tấn; thành phần chủ yếu là gốc, rễ, cây, cỏ,....

+ Chất thải rắn phát sinh do hoạt động phá dỡ các công trình hiện trạng khoảng 1.269,64 tấn; thành phần chủ yếu là đất, đá, gạch vỡ, bê tông,....

+ Chất thải rắn phát sinh do hoạt động bóc tầng đất trồng lúa, đất bùn hữu cơ khoảng 24.565,75 m³ (Khu I) và 2.426,09 m³ (Khu II).

- Chất thải nguy hại gồm dầu mỡ thải khoảng 350 lít (Khu I) và 210 lít (Khu II), giẻ lau dính dầu mỡ khoảng 9-18 kg/mỗi khu, thùng sơn khoảng 12-15 kg/mỗi khu.

3.2.2. Giai đoạn hoạt động:

- Chất thải rắn sinh hoạt của người dân phát sinh khoảng 1.080 kg/ngày đêm (trong đó: Khu I khoảng 900 kg/ngày.đêm, Khu II khoảng 180 kg/ngày.đêm).

- Bùn thải từ hoạt động nạo vét hệ thống thoát nước mưa khoảng 7.859,7 kg/năm (trong đó: Khu I khoảng 6.825,5 kg/năm, Khu II khoảng 1.034,2 kg/năm).

3.3. Tiếng ồn, độ rung:

3.3.1. *Giai đoạn thi công xây dựng*: tiếng ồn, độ rung phát sinh chủ yếu từ các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, hoạt động của các thiết bị máy móc, hoạt động thi công các hạng mục công trình.

3.3.2. *Giai đoạn hoạt động*: tiếng ồn phát sinh chủ yếu từ các phương tiện giao thông, hoạt động trạm xử lý nước thải và hoạt động sinh hoạt của người dân tại khu vực Dự án.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư:

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải:

4.1.1.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Nước thải sinh hoạt: lắp đặt 02 nhà vệ sinh di động composite tại mỗi công trường; chất thải từ nhà vệ sinh di động sẽ thuê đơn vị chức năng xử lý theo quy định.

- Nước thải xây dựng:

+ Bố trí cầu rửa xe kích thước L x B x H = (4,75 x 2,25 x 0,4) m và 01 bể lắng cấu tạo 04 ngăn với tổng dung tích khoảng 09 m³ để lắng đất, cát và xử lý váng dầu trước khi tái sử dụng cho hoạt động rửa xe, phun nước giảm bụi (trong đó: bể thu gom có kích thước 1x1x1,5 (m), bể tách dầu mỡ có kích thước 1x1x1,5 (m), bể lắng cặn có kích thước 1x1x1,5 (m), bể chứa nước sau xử lý có kích thước 1,5x1,5x2,0 (m)).

+ Quy trình xử lý: Nước thải (từ hoạt động vệ sinh phương tiện vận chuyển, vệ sinh thiết bị thi công, máy trộn bê tông...) → bể gom → bể tách dầu → bể lắng cặn → bể chứa → tuần hoàn tái sử dụng.

+ Vữa, chất thải đọng lại trong bể lắng sẽ được nạo vét định kỳ và hợp đồng với đơn vị chức năng để xử lý. Riêng lượng nước phát sinh trong quá trình dọn dẹp mặt bằng được chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.

4.1.1.2. Giai đoạn hoạt động:

- Nước thải sinh hoạt từ các hộ dân trong khu tái định cư được xử lý cục bộ bằng bể tự hoại, bể tự hoại được xây dựng theo đúng quy cách của các công trình nhà ở trước khi đầu nối ra hệ thống cống thu gom chung dọc các tuyến đường giao thông nội bộ.

- Cao độ đầu nối, thu gom nước thải được tính toán thiết kế phù hợp, đảm bảo chế độ tự chảy.

- Nước thải sinh hoạt từ các nhà dân trong khu tái định cư sau khi được thu gom bằng các cống thoát nước thải dọc theo các đường giao thông nội bộ sẽ được tập trung về hệ thống thoát nước thải sinh hoạt ở cuối ranh mỗi khu dự án để đầu nối với hệ thống xử lý nước thải.

4.1.1.3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ quá trình thi công đảm bảo đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Thu gom, lắng lọc nước mưa chảy tràn trong khu vực Dự án đảm bảo không làm ảnh hưởng đến chất lượng nước mặt và hệ sinh thái xung quanh; Xây dựng, đầu nối, vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa, nước thải đảm bảo các yêu cầu về điều kiện vệ sinh môi trường; Thực hiện các biện pháp quản lý và giải pháp công trình để giảm thiểu tình trạng ngập úng do việc thực hiện Dự án. Trong mọi trường hợp, Chủ dự án phải đảm bảo việc tiêu thoát nước cho khu vực xung quanh.

- Yêu cầu bố trí quỹ đất để xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 86 Luật Bảo vệ môi trường; đảm bảo toàn bộ lượng nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án được xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt. Vị trí xây dựng trạm xử lý nước thải tập trung phải bảo đảm khoảng cách đến khu vực sinh sống của người dân theo QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải:

4.1.2.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Trước khi tiến hành thi công, lắp đặt các rào chắn tạm thời bằng tôn hoặc nhựa (cao 2 - 3m) tại khu vực giáp ranh với nhà dân.

- Hoạt động thi công xây dựng theo lối cuốn chiếu, làm đến đâu dứt điểm đến đó.

- Không chất vật liệu quá tải trọng cho phép, dùng bạt che phủ thùng xe khi vận chuyển, thường xuyên thu dọn vật liệu rơi vãi tại các tuyến đường vận chuyển.

- Các phương tiện ra khỏi công trường phải được vệ sinh sạch sẽ.
- Đá dăm rải đường được làm ẩm theo đúng tiêu chuẩn.
- Thường xuyên phun nước tưới ẩm tại khu vực thi công, các vị trí gần nhà dân, và trên tuyến đường vận chuyển gần khu vực thi công vào ngày nắng, gió.

4.1.2.2. Giai đoạn hoạt động: tăng tỉ lệ diện tích trồng cây xanh tại khu II, đảm bảo việc bố trí diện tích cây xanh của Dự án theo đúng quy định pháp luật.

4.1.2.3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải phát sinh của Dự án, đảm bảo môi trường không khí xung quanh khu vực Dự án nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

4.2.1.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Chất thải rắn sinh hoạt: bố trí 06 thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt (tại vị trí gần khu vực lán trại của công nhân, nhà vệ sinh di động, công ra vào công trường; mỗi vị trí 02 thùng). Rác thải sinh hoạt được thu gom và hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Chất thải rắn xây dựng:

- + Đối với các loại có thể tái sử dụng như vụn sắt, bao bì xi măng được thu gom, tái sử dụng hoặc bán cho cơ sở có chức năng tái chế.

- + Đất đá thải, gạch vữa dư thừa được tận dụng làm vật liệu san lấp mặt bằng khu vực Dự án.

- + Đất đào hữu cơ được tận dụng để trồng cây xanh.

4.2.1.2. Giai đoạn hoạt động:

- Chất thải rắn sinh hoạt tại các hộ dân sau khi được phân loại và thu gom vào các túi đựng rác để trước nhà. Đến giờ quy định, công nhân môi trường đô thị sẽ thu gom, xử lý.

- Khu vực công cộng như khu vực công viên cây xanh, đường trục chính: bố trí các thùng rác có nắp kín; hợp đồng với đơn vị có chức năng cuối ngày hoặc định kỳ thu gom, xử lý theo quy định.

- Bùn thải phát sinh từ trạm xử lý nước thải, từ các hố ga thoát nước mưa, nước thải được hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, xử lý theo quy định.

- Tuyên truyền cho người dân về ý thức bảo vệ môi trường, phân loại rác tại nguồn hiệu quả.

4.2.1.3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Đảm bảo toàn bộ chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phát sinh của Dự án được thu gom, phân định, phân loại tại nguồn, lưu giữ, vận chuyển, xử lý đáp ứng theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT và các quy định pháp luật khác có liên quan.

- Tổ chức thu gom, vận chuyển, đổ thải phế thải, chất thải rắn xây dựng theo đúng quy định. Trường hợp lượng đất đào trong phạm vi Dự án được xác định là vật liệu xây dựng, thực hiện thủ tục đăng ký, tận thu đối với lượng đất đá trên theo quy định pháp luật về khoáng sản.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

4.2.2.1. Giai đoạn thi công xây dựng: mỗi khu dự án bố trí 01 nhà kho chứa chất thải nguy hại với diện tích khoảng 8-10 m² và 06 thùng chứa chất thải nguy hại với dung tích khoảng 200 lít để lưu trữ chất thải nguy hại, sau đó hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý.

4.2.2.2. Giai đoạn hoạt động: công tác quản lý chất thải nguy hại được thực hiện theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT và các quy định pháp luật khác có liên quan.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung:

4.3.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Không vận chuyển vào các giờ cao điểm (06h30 đến 07h30, 11h00 đến 12h00, 16h30 đến 18h00) và không vận chuyển sau 22h00; có kế hoạch điều tiết hoạt động vận chuyển nhằm đảm bảo an toàn giao thông và hạn chế ảnh hưởng đến nhà dân dọc 02 bên tuyến đường.

- Không sử dụng các phương tiện quá cũ; định kỳ bảo dưỡng phương tiện, máy móc theo quy định.

- Không vận hành máy móc, thiết bị thi công vào buổi trưa (từ 11h30 đến 13h30) và vào ban đêm (từ 22h00 tối đến 06h00 sáng ngày hôm sau).

- Hạn chế sử dụng các máy móc, thiết bị phát sinh tiếng ồn lớn liên tục trong nhiều giờ; hạn chế vận hành đồng thời nhiều máy móc, thiết bị gây ồn cùng một lúc.

- Vận hành máy móc, thiết bị đúng quy trình kỹ thuật và tắt những máy móc, thiết bị hoạt động gián đoạn không cần thiết.

4.3.2. Giai đoạn hoạt động: đảm bảo diện tích cây xanh theo đúng quy định.

4.3.3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Trong quá trình thi công và vận hành dự án phải đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với tiếng ồn, độ rung đạt quy chuẩn QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

M

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:

- Bãi chứa nguyên vật liệu và bãi chứa đất hữu cơ tạm phải được che chắn, bố trí tại vị trí phù hợp, tránh để xâm nhập vào hệ thống rãnh thoát nước gây ô nhiễm môi trường và ngập úng cục bộ.
- Phải đảm bảo phương án giảm thiểu hiệu quả, tránh gây ảnh hưởng đến môi trường do hoạt động của máy trộn bê tông.
- Tổ chức cắm biển báo tại nơi có nền địa chất yếu, dễ xảy ra sạt lở; giám sát các hiện tượng sạt lở đất; khi phát hiện dấu hiệu mất an toàn phải dừng ngay các hoạt động thi công, khẩn trương đưa người và thiết bị ra khỏi khu vực nguy hiểm; báo cáo cơ quan chức năng để cùng phối hợp ứng phó sự cố.
- Định kỳ nạo vét, khơi thông hệ thống thu gom, thoát nước; tiến hành kiểm tra và cải tạo hệ thống thu gom, đặc biệt vào trước mùa mưa để tăng khả năng tiêu thoát nước khu vực.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư:

Chủ dự án cam kết thực hiện chương trình giám sát môi trường như sau:

5.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

5.1.1. Giám sát môi trường không khí xung quanh:

- Số lượng mẫu: 04 mẫu.
- Vị trí giám sát:
 - + KK1: 01 mẫu tại ngã ba đường ở đầu phía Đông dự án – tại Khu I của dự án.
 - + KK2: 01 mẫu tại khu vực cuối hướng gió dự án – tại Khu I của dự án.
 - + KK3: 01 mẫu tại ngã ba đường ở đầu phía Đông Bắc dự án – tại Khu II của dự án.
 - + KK4: 01 mẫu tại khu vực cuối hướng gió dự án – tại Khu II của dự án.
- Các chỉ tiêu giám sát: tiếng ồn, độ rung, SO₂, NO₂, CO, C_xH_y, Bụi TSP (tổng bụi lơ lửng).
- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- Quy chuẩn so sánh:
 - + QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí.
 - + QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.
 - + QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

5.1.2. Giám sát chất lượng nước mặt

- Số lượng mẫu: 01 mẫu.
- Vị trí giám sát: tại nhánh sông Hiền Lương, giáp với Khu I của dự án.



- Các chỉ tiêu giám sát: pH, TSS, BOD₅, COD, TOC, DO, Tổng Phospho, Tổng Nitơ, tổng Coliform, Coliform chịu nhiệt.

- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 08:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

5.1.3. Chương trình quản lý, giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại:

- Thực hiện phân loại, thu gom các loại chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan..

- Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo đúng quy định.

5.2. Giai đoạn hoạt động:

5.2.1. Chương trình quản lý, giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại:

- Thực hiện phân định, phân loại, thu gom, chuyển giao các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

- Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

5.2.2. Chương trình giám sát của hệ thống xử lý nước thải tập trung:

- Yêu cầu thực hiện theo đúng quy định.

6. Yêu cầu Chủ dự án thực hiện các nội dung khác như sau:

- Chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính pháp lý đối với các thông tin, số liệu nêu tại báo cáo đánh giá tác động môi trường (bao gồm cả thông tin về quy mô, diện tích, hiện trạng các loại đất, ...).

- Đảm bảo kinh phí cho các hoạt động thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường và giám sát môi trường theo đúng quy định.

- Chỉ được phép triển khai Dự án sau khi hoàn thành công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, chuyển đổi mục đích sử dụng đất và các quy định pháp luật khác có liên quan; tích cực phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện các vấn đề về an ninh trật tự, vệ sinh môi trường, quản lý công nhân tham gia thi công nhằm giữ gìn tốt an ninh trật tự tại khu vực.

- Chỉ được phép đổ thải các loại chất thải, phế thải xây dựng theo đúng vị trí được cơ quan có chức năng chấp thuận; đồng thời, phải có biện pháp đảm bảo vệ sinh môi trường trong quá trình thu gom, vận chuyển đối với lượng chất thải trên.

- Tuân thủ quy định pháp luật về đảm bảo an toàn giao thông và nhu cầu đi lại của người dân trong quá trình thi công; đảm bảo nguồn lực tài chính để thực hiện đầy đủ các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án.

- Áp dụng các biện pháp tổ chức thi công phù hợp; đảm bảo không gây ảnh hưởng tiêu cực tới việc sản xuất nông nghiệp khu vực xung quanh; tổ chức giám sát thường xuyên hiện tượng sụt lún, sụt lún, ngập lụt có khả năng bị tác động do hoạt động của dự án.

- Trong quá trình thực hiện, nếu xảy ra các sự cố, phải dừng ngay các hoạt động thi công, tổ chức ứng phó khắc phục sự cố kịp thời, khẩn trương thông báo cho Ban quản lý Khu kinh tế Vân Phong, Sở Tài nguyên và Môi trường, và các cơ quan có chức năng liên quan để phối hợp xử lý; chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo đúng quy định pháp luật.

- Điều chỉnh, bổ sung nội dung của dự án đầu tư và báo cáo đánh giá tác động môi trường cho phù hợp với nội dung về bảo vệ môi trường được nêu trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; thực hiện đầy đủ các nội dung trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường. Trong quá trình chuẩn bị, triển khai thực hiện dự án trước khi vận hành, trường hợp có thay đổi nội dung so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và khoản 2 Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Tổ chức công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định theo quy định tại Điều 114 của Luật Bảo vệ môi trường./



